TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Kim Tuấn
2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu dân cư số 19, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

2. Bị đơn: Anh Hồ Ngọc S, sinh năm 1980
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư số 19, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, bản tự khai ngày 21/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Hồ Ngọc S tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N vào ngày 05/4/2005. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Vào năm 2018 chị có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức để yêu cầu được ly hôn với anh S nhưng anh S và gia đình động viên rút đơn về chung

sống. Sau khi rút đơn về chung sống vợ chồng cũng đã nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải, động viên nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân nhau. Hiện nay tình cảm giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hồ Ngọc S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 02/10/2004 và Hồ Ngọc N, sinh ngày 25/10/2011. Hiện nay hai cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có:

* *Tại bản tự khai ngày 31/3/2019, bị đơn anh Hồ Ngọc S trình bày*: Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con chung như nội dung chị T trình bày là đúng. Anh và chị Trang có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Thạnh vào ngày 05/4/2005 nhưng sống không hợp nhau nên đã ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con.

Về con chung nếu Tòa cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con Hồ Ngọc N, anh giao con Hồ Thị Tuyết M cho chị Trang nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho nên nào.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có:

* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 02/10/2004 và Hồ Ngọc N, sinh ngày 25/10/2011 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn anh Hồ Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn anh Hồ Ngọc S

Chị Nguyễn Thị Trang và anh Hồ Ngọc Sơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày thì trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, sống không hạnh phúc nên vợ cồng ly thân từ giữa năm 2018 đến nay; Bị đơn thừa nhận nhưng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Xét thấy, anh S không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn nhau và ly thân từ giữa năm 2018 mãi đến nay phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]Về con chung

Nguyên đơn có yêu cầu nuôi 02 con chung là Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 02/10/2004 và Hồ Ngọc N, sinh ngày 25/10/2011. Bị đơn yêu cầu nuôi con Hồ Ngọc N và giao con Hồ Thị Tuyết M cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Xét thấy anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N nhưng lại vắng mạt tại phiên Tòa, từ trước đến nay cả hai cháu đều sống, học tập cùng với chị T tại thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân. Cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu N còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của 02 cháu. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai và cháu N.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con

Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]Về tài sản chung

Nguyên đơn khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về nợ chung

Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trang phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hồ Ngọc S.

2. Giao cháu Hồ Thị Tuyết M, sinh ngày 02/10/2004 và Hồ Ngọc N, sinh ngày 25/10/2011 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh S không cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0003798 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/5/2019). Bị đơn không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện Mộ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Thạnh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương